

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV
CÔNG TY THỦY ĐIỆN ĐỒNG NAI 5 - TKV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1028 /QĐ-ĐN5

Lâm Đồng, ngày 14 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt dự toán chi phí và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ sửa chữa xe ô tô 07 chỗ Toyota Fortuner 49M-000.38

GIÁM ĐỐC CÔNG TY THỦY ĐIỆN ĐỒNG NAI 5 – TKV

Căn cứ Quyết định số 130/QĐ-ĐLTKV ngày 03/02/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty điện lực TKV- CTCP về việc phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, chi nhánh của Tổng công ty điện lực TKV- CTCP;

Căn cứ Quyết định số 1590/QĐ-ĐN5 ngày 19/11/2024 của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc ban hành Quy định về lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh trong Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV;

Căn cứ văn bản số 914/ĐLTKV-KH ngày 08/6/2026 của Tổng công ty Điện lực – TKV về việc Giao/thông qua các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Tổng công ty điện lực TKV;

Căn cứ Quyết định số 834/QĐ-ĐN5 ngày 11/6/2026 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV;

Căn cứ Quyết định số 1319/QĐ-ĐN5 ngày 18/9/2025 của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc ban hành Quy trình bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV;

Căn cứ Quyết định số 971/QĐ-ĐN5 ngày 02/7/2026 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc ban hành phương án kỹ thuật sửa chữa xe ô tô Toyota Fortuner 49M-000.38.

Theo đề nghị của Tổ tư vấn tại tờ trình ngày 10/7/2026 về việc phê duyệt dự toán chi phí và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ sửa chữa xe ô tô 07 chỗ Toyota Fortuner 49M-000.38.

Căn cứ báo cáo thẩm định dự toán và kế hoạch LCNCC ngày 13/7/2026 của Tổ thẩm định;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt dự toán chi phí và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ sửa chữa xe ô tô 07 chỗ Toyota Fortuner 49M-000.38 như sau:

1. Tên gói cung cấp: Dịch vụ sửa chữa xe ô tô Toyota Fortuner 49M-

000.38.

2. Giá trị dự toán: **345.315.600 đồng** (Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi lăm triệu, ba trăm mười lăm ngàn, sáu trăm đồng). Giá đã bao gồm các khoản thuế phí. Chi tiết như PL đính kèm

3. Nguồn vốn thực hiện: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2026.

4. Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà cung cấp: Tháng 7/2026.

5. Hình thức lựa chọn nhà cung cấp: Chỉ định nhà cung cấp theo Khoản 3, Điều 7 quy định lựa chọn nhà cung cấp ban hành tại Quyết định số 1590/QĐ-ĐN5 ngày 19/11/2024.

6. Loại hợp đồng: Trọn gói.

Thời gian thực hiện: Trong vòng 10 ngày kể từ ngày chính thức bàn giao xe vào sửa chữa.

Điều 2. Giao cho phòng Kế hoạch Đầu tư – Vật tư, Tổ chuyên gia, Tổ Thẩm định thực hiện các bước lựa chọn nhà cung cấp, giao phòng KTAT phối hợp với Phòng TCHC giám sát, nghiệm thu trình tự các bước đúng theo quy định.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, Các ông Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Như điều 3.
- Trang Website TKV (Để đăng tải);
- Trang Website dienluctkv.vn (Để đăng tải);
- Lưu: VT, TCKT, KHĐTVT, Tr06.

GIÁM ĐỐC

Trần Văn Tuấn

PHỤ LỤC BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ
Về việc thực hiện Cung cấp dịch vụ
sửa chữa xe ô tô 07 chỗ Toyota Fortuner 49M-000.38
(Kèm Quyết định số 1028/QĐ-ĐN5 ngày 14 tháng 7 năm 2026)

Stt	Tên phụ tùng, Vật tư	Đ/V	SL	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Mã vật tư	Nguồn gốc/Xuất xứ
I	PHẦN VẬT TƯ				301.800.000		
1	Vỏ xe trước, sau	Cái	04	5.400.000	21.600.000	265/65.R17	Michelin /VN
2	Bổ thắng sau	Bộ	01	1.900.000	1.900.000	04372-YZET7	Toyota/ NB
3	Phuộc nhún sau	Cây	02	2.800.000	5.600.000	35629-GH1742	Toyota/ NB
4	Tam bua thắng sau	Cái	02	4.750.000	9.500.000	MAX.DIA.2 97MM	Toyota/ NB
5	Heo thắng sau	Cái	02	2.200.000	4.400.000	4256-0K215	Toyota/ NB
6	Bạc đạn bánh sau	Cái	02	2.800.000	5.600.000	90366-T0044	Toyota/ NB
7	Vành chấu cầu sau	Bộ	01	20.600.000	20.600.000	05761-0T272	Toyota/ NB
8	Bạc đạn cầu	Cái	04	900.000	3.600.000	4592-NK020	Toyota/ NB
9	Phốt cầu sau	Cái	01	900.000	900.000	4412-0K017	Toyota/ NB
10	Phốt láp sau	Cái	02	900.000	1.800.000	4412-0K470	Toyota/ NB
11	Cao su càng I	Cái	04	1.000.000	4.000.000	48702-0X080	Toyota/ NB
12	Cao su càng B	Cái	04	1.000.000	4.000.000	48701-0K128	Toyota/ NB
13	Bộ ron đại tu hộp số tự động	Bộ	01	14.500.000	14.500.000	11990-11KP2	Toyota/ NB
14	Bộ ly hợp hộp số tự động	Bộ	01	39.000.000	39.000.000	4780-RLS09	Toyota/ NB
15	Bạc đạn chữ thập	Bộ	04	1.800.000	7.200.000	97032-K1026	Toyota/ NB
16	Bạc đạn bánh trước	Cái	02	2.600.000	5.200.000	90369-T0003	Toyota/ NB
17	Đĩa thắng trước	Cái	02	4.100.000	8.200.000		Toyota/ NB

Stt	Tên phụ tùng, Vật tư	Đ/V	SL	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Mã vật tư	Nguồn gốc/Xuất xứ
						ADVICS.42 4-N2	
18	Phuộc nhún trước	Cái	02	3.200.000	6.400.000	35629- G1732	Toyota/ NB
19	Cao su càng A dưới (trước)	Cái	04	1.000.000	4.000.000	486550- K040	Toyota/ NB
20	Cao su càng A trên (trước)	Cái	04	900.000	3.600.000	483632- 0K010	Toyota/ NB
21	Rotuyn trụ trên trước	Cái	02	1.400.000	2.800.000	43310- 0K010	Toyota/ NB
22	Cao su cân bằng trước	Cái	02	600.000	1.200.000	48815- 0K010	Toyota/ NB
23	Rotuyn lái ngoài	Cái	02	1.100.000	2.200.000	45046- 09281	Toyota/ NB
24	Rotuyn lái trong	Cái	02	1.200.000	2.400.000	45046- 02761	Toyota/ NB
25	Đường ống dẫn dầu thắng bánh xe trước	Cái	02	1.400.000	2.800.000	4321- E02071	Toyota/ NB
26	Thước lái	Cái	01	21.750.000	21.750.000	45046- 09281	Toyota/ NB
27	Cây láp ngang trước	Cây	02	9.500.000	19.000.000	E2T74- 220E3	Toyota/ NB
28	Cụm heo thắng trước	Bộ	02	4.300.000	8.600.000	3FC02- 7T547	Toyota/ NB
29	Bộ đường ống dẫn nhiên liệu	Bộ	01	9.500.000	9.500.000	165710- C080	Toyota/ NB
30	Bộ đường ống làm mát động cơ	Bộ	01	6.200.000	6.200.000	16572- 000.80	Toyota/ NB
31	Mobin	Cái	04	2.800.000	11.200.000	27301- 02100	Toyota/ NB
32	Bugì	Cái	04	500.000	2.000.000	NGKYR	Toyota/ NB
33	Cảm biến lưu lượng gió	Cái	01	2.200.000	2.200.000	22204- 063.10	Toyota/ NB
34	Lọc gió động cơ	Cái	01	700.000	700.000	16603- DC017	Toyota/ NB
35	Nhớt cầu trước và sau	Lít	08	300.000	2.400.000	Castrol 80W90	Toyota/ NB
36	Nhớt hộp số	Lít	06	300.000	1.800.000	Castrol 80W90	Toyota/ NB
37	Nhớt máy	Lít	05	250.000	1.250.000	Castrol	Toyota/ NB
38	Lọc nhớt máy	Cái	01	400.000	400.000	16603-	Toyota/ NB

Stt	Tên phụ tùng, Vật tư	Đ/V	SL	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Mã vật tư	Nguồn gốc/Xuất xứ
						0C014	
39	Lọc nhớt số	Cái	01	600.000	600.000	3291-CE2123	Toyota/ NB
40	Ốp lườn dưới P	Cái	01	1.200.000	1.200.000		Toyota/ NB
41	Cầu chì hệ thống điện xe	Bộ	01	4.100.000	4.100.000	TY-HR145	Toyota/ NB
42	Bảo dưỡng hệ thống dây điện xe	Lần	01	3.000.000	3.000.000		Toyota/ NB
43	Bộ chuyển động gạt mưa	Bộ	01	3.600.000	3.600.000	CC-2045.1S	Toyota/ NB
44	Dầu thắng	Lít	02	300.000	600.000	Castrol 80W90	Toyota/ NB
45	Củ đề	Bộ	01	9.200.000	9.200.000	28100-0C031	Toyota/ NB
46	Diamao (máy phát điện)	Bộ	01	9.500.000	9.500.000	27562-3T091	Toyota/ NB
II	PHẦN SƠN				38.900.000		
1	Sơn cản sau	Lần	01	1.000.000	1.000.000	Đen 209	Việt Nam
2	Sơn cốp sau	Lần	01	1.200.000	1.200.000	Đen 209	Việt Nam
3	Sơn đuôi xe cá trên cốp sau	Lần	01	600.000	600.000	Đen 209	Việt Nam
4	Sơn hông vè sau sau T	Lần	01	1.000.000	1.000.000	Đen 209	Việt Nam
5	Sơn ốp hông vè sau T	Lần	01	400.000	400.000	Đen 209	Việt Nam
6	Sơn lườn trên nóc xe T	Lần	01	900.000	900.000	Đen 209	Việt Nam
7	Sơn cản sau T	Lần	01	1.000.000	1.000.000	Đen 209	Việt Nam
8	Sơn ốp cửa sau T	Lần	01	400.000	400.000	Đen 209	Việt Nam
9	Sơn lườn dưới T	Lần	01	900.000	900.000	Đen 209	Việt Nam
10	Sơn bộ bước chân T	Lần	01	800.000	800.000	Đen 209	Việt Nam
11	Sơn cửa trước T	Lần	01	1.000.000	1.000.000	Đen 209	Việt Nam
12	Sơn vè trước	Lần	01	1.000.000	1.000.000	Đen 209	Việt Nam
13	Sơn ốp vè trước T	Lần	01	400.000	400.000	Đen 209	Việt Nam
14	Sơn nóc xe	Lần	01	1.400.000	1.400.000	Đen 209	Việt Nam
15	Sơn cản trước	Lần	01	1.000.000	1.000.000	Đen 209	Việt Nam
16	Sơn lưới cản trước	Lần	01	400.000	400.000	Đen 209	Việt Nam
17	Sơn capo trước	Lần	01	1.200.000	1.200.000	Đen 209	Việt Nam
18	Sơn vè trước P	Lần	01	1.000.000	1.000.000	Đen 209	Việt Nam
19	Sơn ốp vè trước P	Lần	01	400.000	400.000	Đen 209	Việt Nam

Stt	Tên phụ tùng, Vật tư	Đ/V	SL	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Mã vật tư	Nguồn gốc/Xuất xứ
20	Sơn bộ bước chân P	Lần	01	800.000	800.000	Đen 209	Việt Nam
21	Sơn lườn dưới P	Lần	01	900.000	900.000	Đen 209	Việt Nam
22	Sơn lườn trên nóc xe P	Lần	01	900.000	900.000	Đen 209	Việt Nam
23	Sơn cửa trước P	Lần	01	1.000.000	1.000.000	Đen 209	Việt Nam
24	Sơn cửa sau P	Lần	01	1.000.000	1.000.000	Đen 209	Việt Nam
25	Sơn ốp cửa sau P	Lần	01	400.000	400.000	Đen 209	Việt Nam
26	Sơn hông vè sau P	Lần	01	1.000.000	1.000.000	Đen 209	Việt Nam
27	Sơn ốp hông vè sau P	Lần	01	400.000	400.000	Đen 209	Việt Nam
28	Sơn sàn xe	Lần	01	2.500.000	2.500.000	Đen 209	Việt Nam
29	Đánh bát nguyên chiếc + rửa xe vệ sinh gầm máy	Gói	01	4.000.000	4.000.000	Đen 209	Việt Nam
III	PHẦN NHÂN CÔNG				16.700.000		
1	Công thợ thay thế	Gói	01	16.700.000	16.700.000		Việt Nam
Tổng cộng					347.400.000		
Giảm giá trị theo nghị quyết 204/2025QH15					2.084.400		
Giá trị còn lại sau thuế					345.315.600		

(Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi lăm triệu, ba trăm mười lăm ngàn, sáu trăm đồng)

***Chính sách bảo hành:**

- Phụ tùng thay thế có mã vật tư là phụ tùng chính hãng, được bảo hành 12 tháng hoặc 12.000km, các phần sửa chữa được bảo hành 6 tháng hoặc 6.000km tùy theo chỉ tiêu nào đến trước

NỘI DUNG YÊU CẦU CỦA GÓI CUNG CẤP
Dịch vụ sửa chữa xe ô tô 07 chỗ Toyota Fortuner 49M-000.38
(Kèm theo Quyết định số 1028/QĐ-ĐN5 ngày 14/7/2026)

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. YÊU CẦU HỒ SƠ ĐỀ XUẤT	3
Mục 1: Tóm tắt nội dung của gói cung cấp dịch vụ	3
Mục 2: Tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất	3
Mục 3. Các yêu cầu về thương mại	3
Mục 4. Chi phí, đồng tiền và ngôn ngữ trong Hồ sơ đề xuất	3
Mục 5. Nội dung hồ sơ đề xuất	3
Mục 6. Thời hạn hiệu lực của Hồ sơ đề xuất	3
Mục 7. Nộp, tiếp nhận, mở Hồ sơ đề xuất	3
Mục 8. Làm rõ Hồ sơ đề xuất	4
Mục 9. Đánh giá Hồ sơ đề xuất	4
Mục 10. Quyết định lựa chọn Nhà cung cấp	5
Mục 11. Hợp đồng	5
Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA DỊCH VỤ	6
CHƯƠNG III. BIỂU MẪU	8

CHƯƠNG I. YÊU CẦU HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Mục 1: Tóm tắt nội dung của gói cung cấp dịch vụ

1. Tên gói cung cấp: Sửa chữa xe ô tô 07 chỗ Toyota Fortuner 49M-000.38;
2. Nguồn vốn thực hiện: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2026;
3. Thời gian thực hiện hợp đồng: 10 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
4. Loại hợp đồng: Trọn gói;
5. Phạm vi cung cấp dịch vụ: *Chi tiết như Mục 2, Chương III của Hồ sơ yêu cầu.*

Mục 2: Tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất

1. Nhà cung cấp phải có đơn đề xuất dự cung cấp có đầy đủ nội dung theo quy định tại mẫu số 2 đính kèm dưới đây.
2. Nhà cung cấp phải đáp ứng về tư cách hợp lệ với các điều kiện sau đây:
 - Đăng ký thành lập, hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật;
 - Hạch toán tài chính độc lập;
 - Không đang trong quá trình bị giải thể, không bị kết luận đang lập vào tình trạng bị phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
 - Không có tên trong danh sách các Nhà cung cấp bị cấm tham dự quá trình của ĐLTKV và của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV.
3. Tài liệu đính kèm để chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà cung cấp:
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Ban sao có chứng thực);
 - Cam kết trên đơn chào giá đáp ứng về tư cách hợp lệ nêu tại Khoản 2, Mục 2, Chương I của Hồ sơ yêu cầu.

Có ít nhất 01 hồ sơ hợp đồng tương tự: Hợp đồng về sửa chữa xe ô tô có giá trị tối thiểu 175.000.000 đồng; hợp đồng Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành, Biên bản thanh lý hợp đồng; Hóa đơn tài chính theo quy định (bản sao có xác nhận của nhà cung cấp).

Mục 3. Các yêu cầu về thương mại

1. Giá chào: Giá chào là giá do Nhà cung cấp ghi trong đơn chào giá, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện đơn hàng tại địa điểm thực hiện cung cấp theo yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu, bao gồm cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp Nhà cung cấp chào giá không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì Hồ sơ đề xuất của Nhà cung cấp sẽ không đạt.
2. Trường hợp Nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì có thể theo hình thức thư giảm giá riêng hoặc ghi trực tiếp vào đơn chào giá và bảo đảm Bên mời cung cấp nhận được trước thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất. Trong đề xuất giảm giá, Nhà cung cấp cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho toàn bộ đơn hàng.
3. Nhà cung cấp chào trọn gói cho toàn bộ các công việc theo nội dung yêu cầu của gói cung cấp. Chi tiết tại Mẫu số 1 đính kèm.
4. Điều khoản thanh toán: Chi tiết như dự thảo hợp đồng đính kèm.

Mục 4. Chi phí, đồng tiền và ngôn ngữ trong Hồ sơ đề xuất

1. Nhà cung cấp phải chịu mọi khoản chi phí liên quan đến quá trình tham dự cung cấp dịch vụ;
2. Đồng tiền tham dự cung cấp dịch vụ và thanh toán là VNĐ;
3. Hồ sơ đề xuất cũng như tất cả các văn bản và các tài liệu liên quan đến Hồ sơ đề xuất được trao đổi giữa Bên mời cung cấp và Nhà cung cấp phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong Hồ sơ đề xuất có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận đóng dấu của cơ quan dịch thuật. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời cung cấp có thể yêu cầu Nhà cung cấp gửi bổ sung.

Mục 5. Nội dung hồ sơ đề xuất

Nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 bản gốc Hồ sơ đề xuất gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào giá theo Mẫu số 01, Chương III, Biểu chào giá chi tiết theo Mẫu số 02, Chương III.

Nhà cung cấp phải nộp Hồ sơ đề xuất có đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 02 Chương III - Biểu mẫu, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà Nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là Nhà cung cấp đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc đơn hàng, Nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong Hồ sơ mời chào giá với đúng giá đã chào.

2. Các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm của nhà cung cấp quy định tại Mục 2 của Chương này.

3. Bảng liệt kê chi tiết nội dung dịch vụ phù hợp với yêu cầu về phạm vi cung cấp nêu tại Chương II - Phạm vi, yêu cầu của dịch vụ, theo Mẫu số 04, Chương III-Biểu mẫu.

4. Bản cam kết đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng nêu tại Mẫu số 05, Chương III-Biểu mẫu.

Mục 6. Thời hạn hiệu lực của Hồ sơ đề xuất

Thời gian có hiệu lực của Hồ sơ đề xuất giá là **30 ngày**, kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất.

Mục 7. Nộp, tiếp nhận, mở Hồ sơ đề xuất.

1. Trường hợp nộp trực tiếp hoặc nộp qua đường bưu điện: Hồ sơ đề xuất phải được đóng trong phong bì dán kín có ghi đầy đủ tên, địa chỉ của nhà cung cấp, tên, số hiệu của gói cung cấp và ghi rõ Hồ sơ đề xuất không được mở trước **16 giờ 30 phút ngày 16 tháng 7 năm 2026**, có niêm phong gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về địa chỉ: Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, số 10, đường Hoàng Văn Thụ, Phường I Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng không muộn hơn **16 giờ 30 phút ngày 16 tháng 7 năm 2026**. Hồ sơ đề xuất được gửi đến Bên mời cung cấp sau thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất sẽ không được xem xét.

2. Trường hợp nộp qua email: Hồ sơ đề xuất tổng hợp vào 01 Folder gửi đồng thời 2 địa chỉ Email: vanthudn5.2012@gmail.com và

tochuyengiadn5@gmail.com. không muộn hơn **16 giờ 30 phút ngày 16 tháng 7 năm 2026.**

3. Hồ sơ đề xuất sẽ được mở một cách công khai tại Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, số 10, đường Hoàng Văn Thụ, Phường I Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng trong vòng 1 giờ kể từ khi có thời điểm đóng bản chào giá. Bên mời cung cấp và Nhà cung cấp đã nộp Hồ sơ đề xuất chứng kiến và xác nhận việc mở các Hồ sơ đề xuất, tuy nhiên trong mọi trường hợp việc mở Hồ sơ đề xuất vẫn được tiến hành vào thời gian đã được quy định trong Thư mời chào giá mà không phụ thuộc vào việc có mặt hay không của Nhà cung cấp này.

4. Các thông tin về nội dung chủ yếu của Hồ sơ đề xuất của các Nhà cung cấp bao gồm tối thiểu các nội dung: tên Nhà cung cấp, giá chào, thời gian có hiệu lực của Hồ sơ đề xuất, giá trị bảo lãnh, thời gian và hiệu lực của bảo lãnh sẽ được lập thành một biên bản chung để làm cơ sở đánh giá lựa chọn Nhà cung cấp.

5. Bên mời cung cấp chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong Hồ sơ cho đến khi công bố kết quả lựa chọn Nhà cung cấp.

Mục 8. Làm rõ Hồ sơ đề xuất

1. Sau khi mở Hồ sơ đề xuất, Nhà cung cấp có trách nhiệm làm rõ Hồ sơ đề xuất theo yêu cầu của Bên mời cung cấp. Trường hợp Hồ sơ đề xuất của Nhà cung cấp thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm thì Bên mời cung cấp yêu cầu Nhà cung cấp làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện. Đối với các nội dung đề xuất về dịch vụ cung cấp, tài chính nêu trong Hồ sơ đề xuất của Nhà cung cấp, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của Nhà cung cấp tham gia chào giá, không làm thay đổi nội dung cơ bản của Hồ sơ đề xuất đã nộp, không thay đổi giá chào.

2. Việc làm rõ Hồ sơ đề xuất giữa Nhà cung cấp và Bên mời cung cấp được thực hiện thông qua văn bản.

3. Trong thời gian 03 ngày kể từ ngày mở Hồ sơ đề xuất, trường hợp Nhà cung cấp phát hiện Hồ sơ đề xuất của mình thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện thì Nhà cung cấp được phép gửi tài liệu đến Bên mời cung cấp để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện của mình. Bên mời cung cấp có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của Nhà cung cấp để xem xét, đánh giá. Các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm được coi như một phần của Hồ sơ đề xuất.

4. Việc làm rõ Hồ sơ đề xuất chỉ được thực hiện giữa Bên mời cung cấp và Nhà cung cấp có Hồ sơ đề xuất cần phải làm rõ. Các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện được coi là một phần của Hồ sơ đề xuất và được Bên mời cung cấp bảo quản như Hồ sơ đề xuất.

Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính nếu quá thời hạn làm rõ mà Nhà cung cấp không làm rõ được hoặc có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời cung cấp thì Bên mời cung cấp sẽ đánh giá Hồ sơ đề xuất của Nhà cung cấp theo Hồ sơ đề xuất đã nộp hợp lệ trước đó.

Mục 9. Đánh giá Hồ sơ đề xuất

Việc đánh giá Hồ sơ đề xuất được thực hiện theo các quy định dưới đây:

1. Đánh giá về tính hợp lệ của Hồ sơ đề xuất:

Hồ sơ đề xuất được đánh giá là hợp lệ khi bao gồm đầy đủ các nội dung theo yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu được quy định tại Mục 2, Chương I của Hồ sơ yêu cầu.

2. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

Đánh giá theo tiêu chí đạt/ không đạt để đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của Nhà cung cấp trên cơ sở các tiêu chí yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm được nêu tại Hồ sơ mời chào giá.

3. Đánh giá về yêu cầu về kỹ thuật:

Sử dụng tiêu chí đạt/ không đạt làm cơ sở để đánh giá về mặt kỹ thuật bao gồm:

- Nội dung, phạm vi cung cấp dịch vụ;
- Tiến độ cung cấp dịch vụ;
- Thời hạn cung cấp dịch vụ;
- Cam kết đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng nêu tại Mẫu số 05

Chương III - Biểu mẫu.

4. Đánh giá về giá:

- Cách xác định đơn giá đánh giá thấp nhất theo các bước sau:

+ Bước 1: Xác định đơn giá chào đối với dịch vụ nêu tại Chương II (đã bao gồm sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, nếu có).

+ Bước 2: Xác định giá đánh giá trên cơ sở quy về một mặt bằng, có tính đến các điều kiện về giao hàng, thanh toán, bảo hành, v.v....

Hồ sơ đề xuất có đáp ứng về nội yêu cầu về kỹ thuật và có đơn giá thấp hơn đơn giá dự toán được duyệt sẽ được đánh giá là đạt.

Mục 10. Quyết định lựa chọn Nhà cung cấp

Nhà cung cấp được xem xét, quyết định lựa chọn cung cấp dịch vụ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có Hồ sơ đề xuất đáp ứng tất cả các yêu cầu trong Hồ sơ yêu cầu;

Mục 11. Hợp đồng

Nhà cung cấp được duyệt sẽ ký kết và thực hiện hợp đồng với Bên mời cung cấp với các nội dung hợp đồng bao gồm nhưng không giới hạn bởi các điều kiện chính theo Mẫu số 05

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA DỊCH VỤ

Nhà cung cấp phải chào dịch vụ theo nội dung yêu cầu dưới đây:

Tên gói dịch vụ: Sửa chữa xe ô tô 07 chỗ Toyota Fortuner 49M-000.38;

Phạm vi, nội dung yêu cầu của cung cấp dịch vụ

Stt	Tên phụ tùng, Vật tư	Đ/V	SL	Tiến độ thực hiện
I	PHẦN VẬT TƯ			
1	Vỏ xe trước, sau	Cái	04	Trong vòng 10 ngày
2	Bổ thắng sau	Bộ	01	Trong vòng 10 ngày
3	Phuộc nhún sau	Cây	02	Trong vòng 10 ngày
4	Tam búa thắng sau	Cái	02	Trong vòng 10 ngày
5	Heo thắng sau	Cái	02	Trong vòng 10 ngày
6	Bạc đạn bánh sau	Cái	02	Trong vòng 10 ngày
7	Vành chậu cầu sau	Bộ	01	Trong vòng 10 ngày
8	Bạc đạn cầu	Cái	04	Trong vòng 10 ngày
9	Phốt cầu sau	Cái	01	Trong vòng 10 ngày
10	Phốt láp sau	Cái	02	Trong vòng 10 ngày
11	Cao su càng I	Cái	04	Trong vòng 10 ngày
12	Cao su càng B	Cái	04	Trong vòng 10 ngày
13	Bộ ron đại tu hộp số tự động	Bộ	01	Trong vòng 10 ngày
14	Bộ ly hợp hộp số tự động	Bộ	01	Trong vòng 10 ngày
15	Bạc đạn chữ thập	Bộ	04	Trong vòng 10 ngày
16	Bạc đạn bánh trước	Cái	02	Trong vòng 10 ngày
17	Đĩa thắng trước	Cái	02	Trong vòng 10 ngày
18	Phuộc nhún trước	Cái	02	Trong vòng 10 ngày
19	Cao su càng A dưới (trước)	Cái	04	Trong vòng 10 ngày
20	Cao su càng A trên (trước)	Cái	04	Trong vòng 10 ngày
21	Rotuyn trụ trên trước	Cái	02	Trong vòng 10 ngày
22	Cao su cân bằng trước	Cái	02	Trong vòng 10 ngày
23	Rotuyn lái ngoài	Cái	02	Trong vòng 10 ngày
24	Rotuyn lái trong	Cái	02	Trong vòng 10 ngày
25	Đường ống dẫn dầu thắng bánh xe trước	Cái	02	Trong vòng 10 ngày
26	Thước lái	Cái	01	Trong vòng 10 ngày
27	Cây láp ngang trước	Cây	02	
28	Cụm heo thắng trước	Bộ	02	Trong vòng 10 ngày
29	Bộ đường ống dẫn nhiên liệu	Bộ	01	Trong vòng 10 ngày
30	Bộ đường ống làm mát động cơ	Bộ	01	Trong vòng 10 ngày
31	Mobin	Cái	04	
32	Bugì	Cái	04	Trong vòng 10 ngày
33	Cảm biến lưu lượng gió	Cái	01	Trong vòng 10 ngày
34	Lọc gió động cơ	Cái	01	Trong vòng 10 ngày
35	Nhót cầu trước và sau	Lít	08	Trong vòng 10 ngày
36	Nhót hộp số	Lít	06	Trong vòng 10 ngày
37	Nhót máy	Lít	05	Trong vòng 10 ngày
38	Lọc nhót máy	Cái	01	Trong vòng 10 ngày

Stt	Tên phụ tùng, Vật tư	Đ/V	SL	Tiến độ thực hiện
39	Lọc nhớt số	Cái	01	Trong vòng 10 ngày
40	Ốp lườn dưới P	Cái	01	Trong vòng 10 ngày
41	Cầu chì hệ thống điện xe	Bộ	01	Trong vòng 10 ngày
42	Bảo dưỡng hệ thống dây điện xe	Lần	01	Trong vòng 10 ngày
43	Bộ chuyển động gạt mưa	Bộ	01	Trong vòng 10 ngày
44	Dầu thắng	Lít	02	Trong vòng 10 ngày
45	Củ đề	Bộ	01	Trong vòng 10 ngày
46	Diamao (máy phát điện)	Bộ	01	Trong vòng 10 ngày
II	PHẦN SƠN			
1	Sơn cản sau	Lần	01	Trong vòng 10 ngày
2	Sơn cốp sau	Lần	01	Trong vòng 10 ngày
3	Sơn đuôi xe cá trên cốp sau	Lần	01	Trong vòng 10 ngày
4	Sơn hông về sau sau T	Lần	01	Trong vòng 10 ngày
5	Sơn ốp hông về sau T	Lần	01	Trong vòng 10 ngày
6	Sơn lườn trên nóc xe T	Lần	01	Trong vòng 10 ngày
7	Sơn cản sau T	Lần	01	Trong vòng 10 ngày
8	Sơn ốp cửa sau T	Lần	01	Trong vòng 10 ngày
9	Sơn lườn dưới T	Lần	01	Trong vòng 10 ngày
10	Sơn bệ bước chân T	Lần	01	Trong vòng 10 ngày
11	Sơn cửa trước T	Lần	01	Trong vòng 10 ngày
12	Sơn về trước	Lần	01	Trong vòng 10 ngày
13	Sơn ốp về trước T	Lần	01	Trong vòng 10 ngày
14	Sơn nóc xe	Lần	01	Trong vòng 10 ngày
15	Sơn cản trước	Lần	01	Trong vòng 10 ngày
16	Sơn lưới cản trước	Lần	01	Trong vòng 10 ngày
17	Sơn capo trước	Lần	01	Trong vòng 10 ngày
18	Sơn về trước P	Lần	01	Trong vòng 10 ngày
19	Sơn ốp về trước P	Lần	01	Trong vòng 10 ngày
20	Sơn bệ bước chân P	Lần	01	Trong vòng 10 ngày
21	Sơn lườn dưới P	Lần	01	Trong vòng 10 ngày
22	Sơn lườn trên nóc xe P	Lần	01	Trong vòng 10 ngày
23	Sơn cửa trước P	Lần	01	Trong vòng 10 ngày
24	Sơn cửa sau P	Lần	01	Trong vòng 10 ngày
25	Sơn ốp cửa sau P	Lần	01	Trong vòng 10 ngày
26	Sơn hông về sau P	Lần	01	Trong vòng 10 ngày
27	Sơn ốp hông về sau P	Lần	01	Trong vòng 10 ngày
28	Sơn sàn xe	Lần	01	Trong vòng 10 ngày
29	Đánh bát nguyên chiếc + rửa xe vệ sinh gầm máy	Gói	01	Trong vòng 10 ngày
III	PHẦN NHÂN CÔNG			
1	Công thợ thay thế	Gói	01	Trong vòng 10 ngày

CHƯƠNG III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO GIÁ

Ngày: _____ *[Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào GIÁ]*

Tên gói dịch vụ: _____ *[Ghi tên gói dịch vụ theo Hồ sơ yêu cầu]*

Kính gửi: *[Điền tên đầy đủ của Bên mời cung cấp]*

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ yêu cầu gói mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi,.....*[Ghi tên Nhà cung cấp]*, cam kết thực hiện cung cấp dịch vụ.....*[Ghi tên gói dịch vụ]* theo đúng yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là.*[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]* cùng với Bảng giá chào và các điều kiện thương mại chi tiết như Mẫu số 2 đính kèm. Thời gian thực hiện hợp đồng là *[Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu]*.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Hồ sơ chào giá này.
 2. Không đang trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
 3. Không có tên trong danh sách các Nhà cung cấp bị cấm tham dự quá trình của ĐLTKV và của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV
- Nếu Hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết thực hiện cung cấp dịch vụ đảm bảo đúng chất lượng, số lượng theo yêu cầu của Bên mời cung cấp.
- Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian *[Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng gói chào cung cấp]*.
- Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA DỊCH VỤ

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên dịch vụ: _____ [Ghi tên đơn hàng theo Hồ sơ yêu cầu]

Stt	Tên phụ tùng, Vật tư	Đ/V	SL	Mã vật tư	Nguồn gốc/Xuất xứ	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
I	PHẦN VẬT TƯ						
1	Vỏ xe trước, sau	Cái	04				
2	Bổ thắng sau	Bộ	01				
3	Phuộc nhún sau	Cây	02				
4	Tam bua thắng sau	Cái	02				
5	Heo thắng sau	Cái	02				
6	Bạc đạn bánh sau	Cái	02				
7	Vành chậu cầu sau	Bộ	01				
8	Bạc đạn cầu	Cái	04				
9	Phốt cầu sau	Cái	01				
10	Phốt láp sau	Cái	02				
11	Cao su càng I	Cái	04				
12	Cao su càng B	Cái	04				
13	Bộ ron đại tu hộp số tự động	Bộ	01				
14	Bộ ly hợp hộp số tự động	Bộ	01				
15	Bạc đạn chữ thập	Bộ	04				
16	Bạc đạn bánh trước	Cái	02				
17	Đĩa thắng trước	Cái	02				
18	Phuộc nhún trước	Cái	02				
19	Cao su càng A dưới (trước)	Cái	04				
20	Cao su càng A trên (trước)	Cái	04				
21	Rotuyn trụ trên trước	Cái	02				
22	Cao su cân bằng trước	Cái	02				
23	Rotuyn lái ngoài	Cái	02				
24	Rotuyn lái trong	Cái	02				
25	Đường ống dẫn dầu thắng bánh xe trước	Cái	02				
26	Thước lái	Cái	01				
27	Cây láp ngang trước	Cây	02				
28	Cụm heo thắng	Bộ	02				

Stt	Tên phụ tùng, Vật tư	Đ/V	SL	Mã vật tư	Nguồn gốc/Xuất xứ	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
	trước						
29	Bộ đường ống dẫn nhiên liệu	Bộ	01				
30	Bộ đường ống làm mát động cơ	Bộ	01				
31	Mobin	Cái	04				
32	Bugì	Cái	04				
33	Cảm biến lưu lượng gió	Cái	01				
34	Lọc gió động cơ	Cái	01				
35	Nhớt cầu trước và sau	Lít	08				
36	Nhớt hộp số	Lít	06				
37	Nhớt máy	Lít	05				
38	Lọc nhớt máy	Cái	01				
39	Lọc nhớt số	Cái	01				
40	Ốp lườn dưới P	Cái	01				
41	Cầu chì hệ thống điện xe	Bộ	01				
42	Bảo dưỡng hệ thống dây điện xe	Lần	01				
43	Bộ chuyển động gạt mưa	Bộ	01				
44	Dầu thắng	Lít	02				
45	Củ đề	Bộ	01				
46	Diamao (máy phát điện)	Bộ	01				
II	PHẦN SƠN						
1	Sơn cản sau	Lần	01				
2	Sơn cốp sau	Lần	01				
3	Sơn đuôi xe cá trên cốp sau	Lần	01				
4	Sơn hông vè sau sau T	Lần	01				
5	Sơn ốp hông vè sau T	Lần	01				
6	Sơn lườn trên nóc xe T	Lần	01				
7	Sơn cản sau T	Lần	01				
8	Sơn ốp cửa sau T	Lần	01				
9	Sơn lườn dưới T	Lần	01				
10	Sơn bệ bước chân T	Lần	01				

Stt	Tên phụ tùng, Vật tư	Đ/V	SL	Mã vật tư	Nguồn gốc/Xuất xứ	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
11	Sơn cửa trước T	Lần	01				
12	Sơn vè trước	Lần	01				
13	Sơn ốp vè trước T	Lần	01				
14	Sơn nóc xe	Lần	01				
15	Sơn cản trước	Lần	01				
16	Sơn lưới cản trước	Lần	01				
17	Sơn capo trước	Lần	01				
18	Sơn vè trước P	Lần	01				
19	Sơn ốp vè trước P	Lần	01				
20	Sơn bộ bước chân P	Lần	01				
21	Sơn lườn dưới P	Lần	01				
22	Sơn lườn trên nóc xe P	Lần	01				
23	Sơn cửa trước P	Lần	01				
24	Sơn cửa sau P	Lần	01				
25	Sơn ốp cửa sau P	Lần	01				
26	Sơn hông vè sau P	Lần	01				
27	Sơn ốp hông vè sau P	Lần	01				
28	Sơn sàn xe	Lần	01				
29	Đánh bát nguyên chiếc + rửa xe vệ sinh gầm máy	Gói	01				
III	PHẦN NHẬN CÔNG						
1	Công thợ thay thế	Gói	01				
	Tổng cộng						

(Bằng chữ:

Giá trên đã bao gồm các khoản thuế, phí và lệ phí liên quan.

Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

CÁC ĐIỀU KIỆN THƯƠNG MẠI

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào giá]

Tên gói: _____ [Ghi tên gói dịch vụ theo Hồ sơ yêu cầu]

1. Địa điểm thực hiện:
2. Thời hạn giao nộp sản phẩm:
3. Tiến độ thực hiện cung cấp dịch vụ:
4. Thanh toán:
5. Các tài liệu đính kèm hồ sơ đề xuất

BẢN KÊ CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG PHẠM VI CUNG CẤPNgày: _____ *[Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào giá]*Tên gói: _____ *[Ghi tên gói cung cấp theo Hồ sơ yêu cầu]*

Bảng liệt kê chi tiết danh mục các công việc thực hiện của dịch vụ được chào giá, phải ghi đầy đủ tiến độ thực hiện đáp ứng theo yêu cầu nêu tại Chương II của Hồ sơ yêu cầu.

DỰ THẢO HỢP ĐỒNG
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
Số: /2026/HĐSXKD-ĐN5
Về việc Cung cấp dịch vụ sửa chữa xe ô tô 7 chỗ
Toyota Fortuner 49M-000.38.

Căn cứ Luật Dân sự 24/11/2015;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14/6/2005;

Căn cứ Quyết định số 1590/QĐ-ĐN5 ngày 19/11/2024 của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc ban hành Quy định về lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh trong Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-ĐN5 ngày 13/7/2026 về việc Phê duyệt dự toán chi phí và kế hoạch lựa chọn nhà Cung cấp dịch vụ sửa chữa xe ô tô 07 chỗ Toyota Fortuner 49M-000.38;

Căn cứ biên bản thương thảo hợp đồng đã được ký ngày /7/2026 giữa Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 –TKV và

Căn cứ Quyết định số /QĐ-ĐN5 ngày /7/2026 về việc Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà Cung cấp dịch vụ sửa chữa xe ô tô 07 chỗ Toyota Fortuner 49M-000.38;

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày tháng 7 năm 2026 tại Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV số 10 đường Hoàng Văn Thụ, P1 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Chúng tôi đại diện cho các bên ký hợp đồng gồm có:

BÊN A: CÔNG TY THỦY ĐIỆN ĐỒNG NAI 5 – TKV

Đại diện là Ông: **Trần Văn Tuấn** Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: số 10 đường Hoàng Văn Thụ, P1 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Điện thoại: 02633976888

Fax: 02633974888

Tài khoản: 1020831973, tại Ngân hàng Vietcombank Bảo Lộc, Lâm Đồng;

Mã số thuế: 0104297034-007

BÊN B:

Đại diện: Ông

Chức vụ:

Địa chỉ:

Số điện thoại: - Fax:

Số tài khoản:

Mã số thuế:.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc cung cấp dịch vụ sửa chữa xe ô tô

Fortuner 49M-000.38 theo danh mục được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Trách nhiệm của Bên A

- Thanh toán cho Bên B giá trị hợp đồng và đúng thời hạn thỏa thuận trong hợp đồng và các chi phí phát sinh được sự đồng ý của Bên A (nếu có).
- Tạo điều kiện thuận lợi cho bên B để thực hiện sửa chữa xe ô tô nêu trên được đảm bảo chất lượng.
- Phối hợp với bên B tiến hành nghiệm thu đưa vào sử dụng khi công việc sửa chữa hoàn thành.

Điều 3. Trách nhiệm của Bên B

- Thực hiện sửa chữa xe đảm bảo chất lượng, thời gian theo yêu cầu của bên A (*chi tiết như phụ lục đính kèm hợp đồng này*).
- Bên B phải cam kết cung cấp phụ tùng, linh kiện xe ô tô là hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng, đảm bảo đúng số lượng chất lượng và phải thực hiện bảo hành đối với các phụ tùng, linh kiện như chi tiết phụ lục đính kèm hợp đồng này.
- Trường hợp Bên B tự ý bỏ một phần hoặc toàn bộ công việc thực hiện sửa chữa xe ô tô như chi tiết phụ lục đính kèm hợp đồng này mà không có sự xác nhận của Bên A thì Bên B sẽ trả chi phí của một phần hoặc toàn bộ công việc mà Bên A thuê đơn vị khác thực hiện sửa chữa mà bên B tự ý bỏ không thực hiện.
- Bên B có trách nhiệm thông báo trước với Bên A mọi chi phí phát sinh (nếu có) trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Trường hợp không thực hiện thông báo trước hoặc thực hiện các công việc, thanh toán các chi phí phát sinh trước khi có sự đồng ý của bên A, Bên B sẽ phải chịu mọi chi phí phát sinh đó.
- Bên B cam kết vật tư thiết bị thay thế đúng chủng loại thông số kỹ thuật có nguồn gốc xuất xứ. Bảo hành thiết bị thay thế theo quy định.
- Bên B có trách nhiệm bảo quản trông coi từ khi Bên A giao xe cho Bên B, hỏa hoạn, phá hoại, mất cắp...vv bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm.
- Có trách nhiệm chịu phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại cho bên A nếu vi phạm các nghĩa vụ quy định tại hợp đồng này.
- Bên B phải thông báo cho bên A tiến hành nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành sửa chữa xe ô tô. Và bàn giao vật tư thu hồi sau sửa chữa.

Điều 4. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng:**đồng** (*Bằng chữ: đồng*). Giá đã bao gồm các khoản thuế phí.
2. Tạm ứng hợp đồng: Không áp dụng nhưng bên B vẫn đảm bảo chất lượng và thời gian sửa chữa xe ô tô.
3. Phương thức thanh toán:
 - a. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản 100%.
 - b. Thời hạn thanh toán: Trong vòng 10 ngày kể từ khi Bên B xuất trình đầy đủ 05 bộ hồ sơ thanh toán theo quy định tại điểm c khoản 3 điều này.
 - c. Thanh toán:
 - Thanh toán: Bên A thanh toán cho bên B 100% giá trị hợp đồng sau khi bên B thực hiện cung cấp dịch vụ sửa chữa hoàn thành khối lượng theo hợp đồng và hai Bên ký biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng, bên B

cung cấp đầy đủ các chứng từ sau:

- + Giấy đề nghị thanh toán của bên B;
- + Hóa đơn tài chính hợp lệ;
- + Biên bản nghiệm thu hoàn thành do đại diện hai bên ký xác nhận;
- d. Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam.

e. Giao xe: Sau khi sửa xong Bên B chỉ giao xe khi bên A thực hiện thanh toán đầy đủ chi phí theo hợp đồng hoặc phát sinh (nếu có).

Điều 5. Loại hợp đồng: Trọn gói

Điều 6. Thời gian thực hiện hợp đồng

- Thời gian sửa chữa: Trong vòng 10 ngày kể từ ngày chính thức bàn giao xe vào sửa chữa.

+ Trường hợp vì lý do khách quan, do sự kiện bất khả kháng mà thời gian sửa chữa bị kéo dài hơn 10 ngày thì các bên phải xem xét, thống nhất để ký phụ lục gia hạn.

+ Trường hợp vì lý do chủ quan mà bên B chậm quá thời gian sửa chữa theo hợp đồng thì Bên B phải chịu phạt do vi phạm hợp đồng quy định tại **Điều 12** của hợp đồng này.

- Địa điểm, thời gian giao nhận và sửa chữa: ¼ Nguyễn Công Trứ, Phường 1 Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng, Thời gian giao nhận xe vào giờ hành chính của các ngày trong tuần (không kể Thứ 7, Chủ Nhật và các ngày lễ).

Điều 7. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau: có phát sinh các vấn đề về thời gian thực hiện hợp đồng, khối lượng hàng hóa, chủng loại hàng hóa hoặc các vấn đề khác liên quan.

a) Việc điều chỉnh hợp đồng chỉ được áp dụng trong thời gian thực hiện hợp đồng;

b) Chỉ được điều chỉnh hợp đồng cho những khối lượng công việc bổ sung ngoài phạm vi công việc theo hợp đồng đã ký hoặc trường hợp bất khả kháng.

2. Trường hợp phát sinh các hạng mục Vật tư ngoài phạm vi hợp đồng, phát sinh thời gian cấp hàng vì lý do khách quan Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

Điều 8. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp dịch vụ khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 9. Bảo đảm chất lượng hàng hóa

1. Bên B phải bảo đảm giá trị sử dụng hoặc các đặc tính của hàng hóa; nếu sau khi Lắp đặt mà Bên A phát hiện khuyết tật làm mất giá trị hoặc giảm sút giá trị sử dụng của hàng hóa đã lắp đặt thì Bên A phải báo ngay cho Bên B khi phát hiện ra khuyết tật và có quyền yêu cầu Bên B sửa chữa, thay thế và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Bên B phải bảo đảm hàng hóa lắp đặt phù hợp với bảng báo giá mà Bên A đã lựa chọn.

3. Bên B không chịu trách nhiệm về khuyết tật hàng hóa trong trường hợp sau đây:

a) Bên A có lỗi gây ra khuyết tật.

Điều 10. Nghĩa vụ bảo hành, yêu cầu bảo hành, Sửa chữa vật trong thời hạn bảo hành, Bồi thường thiệt hại trong thời hạn bảo hành.

1. Nghĩa vụ bảo hành.

- Phụ tùng thay thế có mã vật tư là phụ tùng chính hãng, được bảo hành 12 tháng hoặc 12.000km, các phần sửa chữa được bảo hành 6 tháng hoặc 6.000km tùy theo chỉ tiêu nào đến trước.

- Phụ tùng thay thế được Gara cam kết là phụ tùng chính hãng;

2. Quyền yêu cầu bảo hành

- Trong thời gian bảo hành nếu có lỗi của thiết bị Bên A thông báo bằng điện thoại cho Bên B, trong vòng 01 tiếng bên B sẽ cử nhân viên kỹ thuật trao đổi hỗ trợ và cùng thống nhất phương án khắc phục với bên A. Nếu việc sửa chữa cần phải thực hiện tại bên A thì bên B sẽ cử nhân viên đến hỗ trợ hoặc kéo xe về.

- Trong thời hạn bảo hành, nếu Bên A phát hiện được khuyết tật một trong các hạng mục sửa chữa bên B đã thực hiện thì bên A sẽ được bảo hành theo chính sách bảo hành của bên B đã được nêu ở Mục 01 điều 10.

3. Sửa chữa trong thời hạn bảo hành

- Bên B phải sửa chữa thiết bị và bảo đảm thiết bị có đủ các tiêu chuẩn chất lượng hoặc có đủ các đặc tính kỹ thuật.

- Việc sửa chữa bảo hành được thực hiện bởi bên B tại xưởng của bên B, thời gian sửa chữa phụ thuộc mức độ hư hỏng và phụ tùng hư hỏng có sẵn tại đại lý hay không. Hai bên sẽ tự thỏa thuận đưa ra thời gian hợp lý.

Điều 11. Bản quyền

Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Bên B đã cung cấp lắp đặt cho Bên A.

Điều 12. Bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm hợp đồng

a) Nếu một trong hai bên không thực hiện đầy đủ các trách nhiệm của mình ghi trong hợp đồng thì dẫn đến thiệt hại kinh tế cho bên kia thì bên vi phạm phải chịu bồi thường thiệt hại cho bên kia (Bồi thường 100% giá trị bị

thiệt hại).

b) Các hình thức phạt

- Trường hợp Bên B vi phạm thời gian sửa chữa do lỗi chủ quan thì Bên B sẽ chịu phạt 4% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm cho mỗi 02 ngày chậm (kể từ ngày thứ nhất sau ngày hết hạn sửa chữa). Nhưng số lần vi phạm không quá 02 lần, tổng số ngày chậm không quá 4 ngày, tổng số tiền phạt vi phạm không vượt 8% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm. Nếu số ngày chậm và số lần vi phạm vượt quá mức qui định nêu trên thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng.

- Phạt thanh toán chậm: Nếu Bên A chậm thanh toán theo quy định tại Điều 5 của hợp đồng thì phải bồi thường cho Bên B với mức lãi suất bằng lãi suất cho vay trong hạn (phần trăm của năm) của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam tính từ ngày hết hạn thanh toán cho khoản tiền vi phạm.

c) Khấu trừ tiền phạt và bồi thường thiệt hại: Khấu trừ vào tiền thanh toán hoặc nộp trực tiếp hoặc chuyển khoản.

d) Thưởng: Không áp dụng

Điều 13. Giải quyết tranh chấp

Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế: Một trong hai bên có quyền khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng ràng buộc giữa hai bên. Chi phí xét xử và các chi phí khác liên quan đến việc giải quyết tranh chấp sẽ do bên thua kiện chịu hoàn toàn.

Điều 14. Hiệu lực hợp đồng

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký và ngày có biên bản Bên A giao xe cho Bên B sửa chữa.

Sau khi hai bên hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm sửa chữa và thanh toán, bảo hành theo các điều khoản nêu trên không vướng mắc thì Hợp đồng sẽ thanh lý theo quy định hiện hành.

Hợp đồng này được lập thành 07 bản, Bên A giữ 05 bản, Bên B giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN CỦA BÊN A
GIÁM ĐỐC

ĐẠI DIỆN CỦA BÊN B
GIÁM ĐỐC

Trần Văn Tuấn

PHỤ LỤC BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ

Về việc thực hiện Cung cấp dịch vụ sửa chữa xe ô tô 07 chỗ

Toyota Fortuner 49M-000.38

(Kèm theo Hợp đồng số /2026/HĐSXKD-ĐN5 ngày /7/2026)

Stt	Tên phụ tùng, Vật tư	Đ/V	SL	Mã vật tư	Nguồn gốc/Xuất xứ	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
I	PHẦN VẬT TƯ						
1	Vỏ xe trước, sau	Cái	04				
2	Bố thắng sau	Bộ	01				
3	Phuộc nhún sau	Cây	02				
4	Tam búa thắng sau	Cái	02				
5	Heo thắng sau	Cái	02				
6	Bạc đạn bánh sau	Cái	02				
7	Vành chậu cầu sau	Bộ	01				
8	Bạc đạn cầu	Cái	04				
9	Phốt cầu sau	Cái	01				
10	Phốt láp sau	Cái	02				
11	Cao su càng I	Cái	04				
12	Cao su càng B	Cái	04				
13	Bộ ron đại tu hộp số tự động	Bộ	01				
14	Bộ ly hợp hộp số tự động	Bộ	01				
15	Bạc đạn chữ thập	Bộ	04				
16	Bạc đạn bánh trước	Cái	02				
17	Đĩa thắng trước	Cái	02				
18	Phuộc nhún trước	Cái	02				
19	Cao su càng A dưới (trước)	Cái	04				
20	Cao su càng A trên (trước)	Cái	04				
21	Rotuyn trụ trên trước	Cái	02				
22	Cao su cân bằng trước	Cái	02				
23	Rotuyn lái ngoài	Cái	02				
24	Rotuyn lái trong	Cái	02				
25	Đường ôn dẫn dầu thắng bánh xe trước	Cái	02				
26	Thước lái	Cái	01				
27	Cây láp ngang trước	Cây	02				
28	Cụm heo thắng trước	Bộ	02				

Stt	Tên phụ tùng, Vật tư	Đ/V	SL	Mã vật tư	Nguồn gốc/Xuất xứ	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
29	Bộ đường ống dẫn nhiên liệu	Bộ	01				
30	Bộ đường ống làm mát động cơ	Bộ	01				
31	Mobin	Cái	04				
32	Bugì	Cái	04				
33	Cảm biến lưu lượng gió	Cái	01				
34	Lọc gió động cơ	Cái	01				
35	Nhớt cầu trước và sau	Lít	08				
36	Nhớt hộp số	Lít	06				
37	Nhớt máy	Lít	05				
38	Lọc nhớt máy	Cái	01				
39	Lọc nhớt số	Cái	01				
40	Ốp lườn dưới P	Cái	01				
41	Cầu chì hệ thống điện xe	Bộ	01				
42	Bảo dưỡng hệ thống dây điện xe	Lần	01				
43	Bộ chuyển động gạt mưa	Bộ	01				
44	Dầu thắng	Lít	02				
45	Củ đề	Bộ	01				
46	Diamao (máy phát điện)	Bộ	01				
II	PHẦN SƠN						
1	Sơn cản sau	Lần	01				
2	Sơn cốp sau	Lần	01				
3	Sơn đuôi xe cá trên cốp sau	Lần	01				
4	Sơn hông vè sau sau T	Lần	01				
5	Sơn ốp hông vè sau T	Lần	01				
6	Sơn lườn trên nóc xe T	Lần	01				
7	Sơn cản sau T	Lần	01				
8	Sơn ốp cửa sau T	Lần	01				
9	Sơn lườn dưới T	Lần	01				
10	Sơn bộ bước chân T	Lần	01				
11	Sơn cửa trước T	Lần	01				

Stt	Tên phụ tùng, Vật tư	Đ/V	SL	Mã vật tư	Nguồn gốc/Xuất xứ	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
12	Sơn vè trước	Lần	01				
13	Sơn ốp vè trước T	Lần	01				
14	Sơn nóc xe	Lần	01				
15	Sơn cản trước	Lần	01				
16	Sơn lưới cản trước	Lần	01				
17	Sơn capo trước	Lần	01				
18	Sơn vè trước P	Lần	01				
19	Sơn ốp vè trước P	Lần	01				
20	Sơn bệ bước chân P	Lần	01				
21	Sơn lườn dưới P	Lần	01				
22	Sơn lườn trên nóc xe P	Lần	01				
23	Sơn cửa trước P	Lần	01				
24	Sơn cửa sau P	Lần	01				
25	Sơn ốp cửa sau P	Lần	01				
26	Sơn hông vè sau P	Lần	01				
27	Sơn ốp hông vè sau P	Lần	01				
28	Sơn sàn xe	Lần	01				
29	Đánh bát nguyên chiếc + rửa xe vệ sinh gầm máy	Gói	01				
III	PHẦN NHÂN CÔNG						
1	Công thợ thay thế	Gói	01				
Tổng cộng							
Giảm giá trị theo nghị quyết 204/2025QH15							
Giá trị còn lại sau thuế							

(Bằng chữ:)

***Chính sách bảo hành:**

- Phụ tùng thay thế có mã vật tư là phụ tùng chính hãng, được bảo hành 12 tháng hoặc 12.000km, các phần sửa chữa được bảo hành 6 tháng hoặc 6.000km tùy theo chỉ tiêu nào đến trước